【秋田県】主な野菜の作付面積と収穫量

	F 1941	山	- ひ 37 木	**			
		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	作付面積(%)	対前年比 収穫量(%)	出荷量(%)
	キャベツ	324	8,130	5,070		102	102
	春キャベツ				nc	nc	nc
			5.640				
	夏秋キャベツ	235	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·	3,060	96	102	102
	冬キャベツ				nc	nc	nc
	きゅうり	262	8,450	6,070	101	100	100
	冬春きゅうり				nc	nc	nc
	夏秋きゅうり	258	8,200	5,840	101	100	100
	さといも				nc	nc	nc
	秋冬さといも				nc	nc	nc
	その他さといも				nc	nc	nc
	だいこん	535	17,100	8,130	99	101	101
	春だいこん				nc	nc	nc
	夏だいこん				nc	nc	nc
	秋冬だいこん	450	13,300	4,990		101	101
	たまねぎ				nc	nc	nc
	トマト	231	8,210	5,870	98	100	100
	ミニトマト	27	776	569	100	102	102
	加工用トマト	×	х	х	х	х	х
	冬春トマト				nc	nc	nc
	冬春ミニトマト				nc	nc	nc
指	夏秋トマト	230	8,170	5,840	98	100	100
	夏秋ミニトマト	27	770	564	100	102	102
	夏秋加工用トマト	×	x	x	x	х	х
	なす	385	6,120	2,170	99	108	109
定	冬春なす				nc	nc	nc
	夏秋なす	385	6,120	2,170	99	108	109
	にんじん				nc	nc	nc
	春夏にんじん				nc	nc	nc
野	秋にんじん				nc	nc	nc
	冬にんじん						
					nc	nc	nc
	ねぎ	612	14,500	11,700	102	101	102
菜	春ねぎ				nc	nc	nc
	夏ねぎ	184	4,010	3,690	102	101	101
	秋冬ねぎ	403	10,100	7,620	103	102	102
	はくさい	234	6,700	2,360	98	99	99
	春はくさい				nc	nc	nc
	夏はくさい				nc	nc	nc
	秋冬はくさい	228	6,430	2,200	98	99	99
	ばれいしょ				nc	nc	nc
	春ばれいしょ				nc	nc	nc
	秋ばれいしょ				nc	nc	nc
	ピーマン(ししとう含)				nc	nc	nc
	冬春ピーマン				nc	nc	nc
	夏秋ピーマン				nc	nc	nc
	ほうれんそう	174	1,170			89	88
			1,170	092			
	レタス(サラダ菜含)				nc	nc	nc
	サラダ菜				nc	nc	nc
	春レタス(サラダ菜含)				nc	nc	nc
	春サラダ菜				nc	nc	nc
	夏秋レタス(サラダ菜含)				nc	nc	nc
	夏秋サラダ菜				nc	nc	nc
	冬レタス(サラダ菜含)				nc	nc	nc
	冬サラダ菜				nc	nc	nc

		<i>作从</i> 王珪 // 、	in# P	山井口小		対前年比	
		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
	アスパラガス	350	1,130	921	97	82	82
	いちご				nc	nc	nc
	えだまめ	1,360	5,100	4,060	101	104	104
	かぶ	53	742	223	nc	nc	nc
	かぼちゃ	357	2,960	1,480	99	103	103
	カリフラワー	26	250	146	100	103	104
	かんしょ			=	nc	nc	=
	グリーンピース				nc	nc	nc
	ごぼう				nc	nc	nc
	こまつな				nc	nc	nc
特	さやいんげん	117	665	293	96	102	102
.,	さやえんどう	93	474	124	96	99	99
	ししとう				nc	nc	nc
	冬春ししとう				nc	nc	nc
定	夏秋ししとう				nc	nc	nc
	しゅんぎく	20	160	106	nc	nc	nc
	しょうが				nc	nc	nc
	スイートコーン				nc	nc	nc
野	すいか	395	12,600	10,400	95	130	130
	セルリー				nc	nc	nc
	そらまめ	27	226	192	93	87	87
菜	ちんげんさい				nc	nc	nc
*	IC6				nc	nc	nc
	にんにく	60	244	142	103	89	93
	ふき	31	294	209	97	98	99
	ブロッコリー				nc	nc	nc
	みずな				nc	nc	nc
	みつば				nc	nc	nc
	メロン	162	2,980	2,330	96	91	91
	温室メロン	-	-	-	nc	nc	nc
	やまのいも	99	972	530	93	91	91
	ながいも	60	612	261	97	89	89
	れんこん				nc	nc	nc
Mer deal alle	林水産省「令和3年産野菜生産出	生幼虫・3.15「会和2年産り			110		1.0

資料:農林水産省「令和3年産野菜生産出荷統計」及び「令和3年産作物統計」 注:表中に用いた記号「0]:単位に満たないもの(例:0.4ha—0ha)、「-」:事実のないもの、「…」:事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」:計算不能